

BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP - SỨC MẠNH CỦA LỄ PHẢI VÀ CHÍNH NGHĨA

TS. LÊ THỊ HIỀN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Cách đây 80 năm, ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Từ lập luận sắc bén về quyền con người, quyền dân tộc, đến việc vạch trần tội ác của thực dân Pháp, bản Tuyên ngôn độc lập đã trở thành bản tuyên cáo đầy thuyết phục về sức mạnh chính nghĩa của cách mạng Việt Nam. Bài viết làm rõ ba trụ cột tư tưởng xuyên suốt bản Tuyên ngôn độc lập: Lễ phải, chính nghĩa và sự công nhận quốc tế - những giá trị đã, đang và sẽ tiếp tục soi sáng hành trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

● **Từ khóa:** Hồ Chí Minh; Tuyên ngôn độc lập; Lễ phải; Chính nghĩa.



1. Lễ phải được khẳng định trên nền tảng pháp lý và đạo lý quốc tế

Bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam dựa trên cơ sở nền tảng pháp lý và đạo lý quốc tế. Mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng trên thế giới, đó là: 1) *Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776*: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”¹; 2) *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791*: ““Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”./ Đó là

những lễ phải không ai chối cãi được”². Quyền được sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền bình đẳng... của con người có được là thành quả chung của nhân loại trong cuộc đấu tranh hàng nghìn năm của nhân loại tiến bộ thế giới chống lại ách áp bức, bất công của chế độ nô lệ, phong kiến và thực dân tàn bạo đối với con người.

Điểm độc đáo, sáng tạo trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là từ những quyền hiển nhiên, chân chính của con người, suy rộng ra chân lý, lễ phải về quyền dân tộc: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”³. Qua đó, thể hiện lập luận sắc bén, hợp lý và

đầy sức thuyết phục. Bởi lẽ, nếu quyền con người là chân lý phổ quát thì quyền của các dân tộc - quyền được sống, được tự do và tự quyết - chính là hệ quả tất yếu của chân lý ấy. Một khi đã công nhận quyền bất khả xâm phạm của con người, thì cũng không thể phủ nhận quyền chính đáng của một dân tộc được làm chủ vận mệnh của mình. Trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác lập rõ ràng cơ sở ấy, khi khẳng định nền độc lập của Việt Nam dựa trên “những lẽ phải không ai chối cãi được”. Cụm từ “suy rộng ra” không chỉ là cách nối mạch tư tưởng, mà còn là lời khẳng định mạnh mẽ chân lý: Mọi dân tộc, mọi quốc gia trên thế giới đều có quyền bình đẳng và chủ động định đoạt tương lai, số phận của chính mình. Chân lý ấy về sau không chỉ trở thành nguyên tắc lập hiến của Việt Nam, của nhiều quốc gia khác mà còn là điều khoản pháp lý quốc tế khi được Liên hợp quốc công nhận cùng với các công ước quốc tế liên quan đến chủ quyền quốc gia, về quyền độc lập dân tộc và quyền tự quyết.

Ghi nhận “lời bất hủ” và những “lẽ phải không ai chối cãi được” vào bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định bản *Tuyên ngôn độc lập* không chỉ là sự kết tinh của đạo lý, pháp lý mà còn chứa đựng những giá trị tiên bộ đã được nhân loại thừa nhận. Sự kết hợp hài hòa đó trong bản *Tuyên ngôn độc lập* đã đưa dân tộc Việt Nam hội nhập vào thế giới hiện đại và tiến nhanh vào tiến trình phát triển chung ngày càng văn minh của loài người. Với ý nghĩa đó, Người đã chỉ ra “biểu thức” cho một nền hòa bình bền vững trên thế giới và xác định những nguyên tắc chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ chính

trị khác nhau, đó là bình đẳng, dân chủ và tôn trọng quyền cơ bản của các dân tộc.

2. Chính nghĩa được xác lập qua việc vạch trần tội ác và phi nghĩa của thực dân Pháp

Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam, việc xác lập chính nghĩa là yếu tố then chốt tạo nên sức mạnh đoàn kết và sự ủng hộ của Nhân dân trong nước lẫn cộng đồng quốc tế. Với Việt Nam, bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 không chỉ là tuyên bố chủ quyền, mà còn là một bản cáo trạng mạnh mẽ vạch trần bản chất phi nghĩa của chế độ thực dân Pháp, từ đó xác lập một cách rõ ràng tính chính đáng, chính danh và chính nghĩa cho cuộc cách mạng của dân tộc. Bằng những dẫn chứng cụ thể, súc tích và đầy sức tố cáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phơi bày toàn bộ hệ thống cai trị phản nhân đạo của thực dân Pháp - từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội mà Nhân dân Việt Nam đã phải gánh chịu suốt hơn 80 năm.

Về chính trị: Để duy trì ách thống trị, thực dân Pháp đã thi hành chính sách “chia để trị”; đồng thời, “Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết”⁴, tìm mọi cách chia cắt đất nước, chia rẽ dân tộc Việt Nam nhằm phân tán lực lượng để dễ bề cai trị. Bản *Tuyên ngôn độc lập* đã tố cáo: “Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”⁵. Thực dân Pháp đã nhẫn tâm giết hại những người Việt Nam yêu nước dám đứng lên chống lại ách thống trị tàn bạo của chúng, “tắm” các cuộc khởi nghĩa, các phong trào đấu tranh yêu nước của Nhân dân ta trong biển máu. Sự “khai hóa” của thực

dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam được thể hiện ở phương châm: “Đối với cái giống nòi Annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó, - đó là ách thống trị bằng sức mạnh...”⁶. Mặt khác, chúng “lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”⁷.

Về kinh tế: “Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều./ Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu./ Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng./ Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng./ Chúng không cho các nhà tư sản ta được giàu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn”⁸. Trên thực tế, hành động tham lam và bắt lương của thực dân Pháp đã gây ra nạn đói khủng khiếp ở Việt Nam vào cuối năm 1944, đầu năm 1945: “...ở Bắc Bộ và miền Bắc Trung Bộ đã hơn hai triệu đồng bào chết đói. Người bị chúng làm chết đã rồi, còn những người sống thì lâm than dưới ách nô lệ, thân ngựa mình trâu”⁹.

Đặc biệt, về *nông nghiệp*, chúng thẳng tay cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền trồng lúa, trồng cao su... rồi phát canh thu tô đem lại lợi ích kinh tế phục vụ cho “chính quốc”, đồng thời đẩy người nông dân rơi vào cảnh bần cùng, mất nhà cửa, mất ruộng đất. Về *công nghiệp*, chúng đẩy mạnh khai thác mỏ và mở một số nhà máy chế biến, xuất khẩu để kiếm lời và vơ vét tài nguyên phong phú của Việt Nam. Về *thương nghiệp*, thực dân Pháp đặt ra nhiều chính sách nhằm độc chiếm thị trường mua bán hàng hóa, nguyên liệu, thu thuế; *mặt*

khác, chúng tăng mức thuế và đặt nhiều thứ thuế mới nhằm chiếm đoạt tiền bạc của Nhân dân ta. Về *giao thông vận tải*, chúng xây dựng đường sá, cầu cống, bến cảng, đường dây thông tin liên lạc để vừa vươn tới các vùng nguyên liệu, vừa để đàn áp các cuộc nổi dậy của Nhân dân ta. Không những thế, thực dân Pháp còn cưỡng đoạt sức lao động của Nhân dân ta bằng cách bắt người đi phu mở đường, đào sông, xây cầu, làm đường sắt để phục vụ việc khai thác thuộc địa và bóc lột của chúng.

Về văn hóa và xã hội: “Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học [...] Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân./ Chúng dùng thuốc phiện, rượu, cờ, để làm cho nòi giống ta suy nhược”¹⁰. Dưới danh nghĩa “khai hóa”, nhưng thực dân Pháp thực chất chủ trương triệt tiêu phát triển trí tuệ, nhân cách và tinh thần dân tộc của người dân Việt Nam. Chúng duy trì một nền giáo dục hạn chế, phân biệt và kiểm soát, nhằm biến người dân thuộc địa thành những kẻ phục tùng chứ không phải công dân tự do. Việc phổ biến rượu, thuốc phiện không chỉ làm suy kiệt thể chất mà còn làm “xói mòn” đạo đức và phẩm giá con người. Chính vì vậy, luận điệu “khai hóa” của thực dân Pháp không những vô nghĩa, mà còn là một sự xúc phạm trắng trợn đối với một dân tộc có truyền thống văn hiến lâu đời như Việt Nam.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* vạch rõ tội ác của thực dân Pháp: “...trong 5 năm, chúng đã “bán” nước ta hai lần cho Nhật”¹¹. Với chiêu bài “bảo hộ” nước ta, nhưng thực tế chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật, làm cho dân ta phải chịu tình cảnh “một cổ hai tròng”, khiến Nhân dân ta rơi vào cảnh đói khổ, nghèo nàn, xơ xác và tiêu điều. Như

vậy, thực dân Pháp đã vi phạm nghiêm trọng quyền con người và quyền dân tộc.

Bằng cách đưa ra hệ thống lý lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục và cách lập luận hùng hồn, thông qua bản *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tố cáo vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trước công luận thế giới. Qua đó, cho nhân dân thế giới thấy được tính chính nghĩa trong cuộc đấu tranh của Nhân dân Việt Nam - đó là cuộc đấu tranh cho lẽ phải, độc lập, tự do và giải phóng con người, hướng đến những giá trị nhân văn tốt đẹp.

3. Lẽ phải và chính nghĩa

Nền tảng để quốc tế công nhận độc lập

Bản *Tuyên ngôn độc lập* đã đánh dấu một cột mốc lịch sử quan trọng của dân tộc Việt Nam, khẳng định Việt Nam chính thức là thành viên của cộng đồng quốc tế, có đầy đủ tư cách pháp nhân để thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới. Bản *Tuyên ngôn độc lập* là văn bản pháp lý đầu tiên không chỉ nói với đồng bào trong nước mà còn tuyên bố trước nhân dân thế giới về nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - đại diện chính thức cho quyền lợi và nghĩa vụ của Nhân dân Việt Nam. Bắt đầu từ đây, tên riêng của nước Việt Nam chính thức thay thế cho tên “Đông Dương thuộc Pháp” mở ra trang sử mới cho lịch sử ngoại giao đất nước.

Điểm đặc biệt trong phần thứ ba của bản *Tuyên ngôn độc lập* là sự chuyển đổi từ lý lẽ đạo lý sang lý lẽ ngoại giao và hiện thực chính trị, đánh dấu sự khẳng định nền độc lập của Việt Nam một cách rõ ràng và mạnh mẽ, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ý chí độc lập, tự cường

của dân tộc, “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập”¹². Thông qua đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ khẳng định quyền được độc lập như một lẽ đương nhiên (theo đạo lý và pháp lý quốc tế), mà còn cho thấy nền độc lập ấy đã trở thành hiện thực lịch sử không thể phủ nhận. Cụm từ “sự thật đã thành” mang một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, khẳng định sự tồn tại của một nước Việt Nam độc lập, đã đứng lên tự giải phóng và đang hoạt động như một quốc gia có chủ quyền. Thực tế này buộc các cường quốc và các lực lượng quốc tế không thể phớt lờ hay phủ nhận vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Để bảo vệ nền độc lập thật sự đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định một quyết tâm sắt đá của Nhân dân Việt Nam, đó là: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹³; đồng thời, Người chỉ rõ: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹⁴. Dân tộc Việt Nam luôn trân trọng và gìn giữ những thành quả vĩ đại đã giành được. Đặc biệt, Nhân dân Việt Nam hoàn toàn chủ động trong việc đấu tranh chống lại những điều phi lý, phản văn minh nhằm bảo vệ hòa bình, tự do: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”¹⁵. Chính tinh thần ấy đã khiến nhiều quốc gia, dù chưa chính thức công nhận ngay lập tức, cũng dành sự tôn trọng và theo dõi nghiêm túc tiến trình của cách mạng Việt Nam. Đặc

biệt, tại nhiều quốc gia thuộc địa khác, bản *Tuyên ngôn độc lập* của Việt Nam đã trở thành nguồn cảm hứng đấu tranh, góp phần thúc đẩy làn sóng giải phóng dân tộc tại châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Có thể nói, lẽ phải và chính nghĩa không chỉ giúp Việt Nam đứng vững trước thử thách, mà còn trở thành “giấy thông hành” để từng bước chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng vị thế trong các tổ chức quốc tế và khẳng định bản sắc riêng. Trong các diễn đàn quốc tế, Việt Nam luôn giữ vững lập trường tôn trọng lẽ phải, công lý và luật pháp quốc tế. Tinh thần ấy chính là sự tiếp nối di sản của bản *Tuyên ngôn độc lập* - một văn kiện đã đặt nền móng cho sự công nhận quốc tế bằng sức mạnh của chính nghĩa và sự thật lịch sử.

Kế thừa và tiếp nối trong kỷ nguyên mới của dân tộc

80 năm trôi qua, nhưng tinh thần của bản *Tuyên ngôn độc lập* vẫn giữ nguyên giá trị. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam luôn lấy lẽ phải và chính nghĩa làm kim chỉ nam cho hành động. Đó chính là nền tảng tư tưởng giúp Việt Nam vững bước trên con đường giữ gìn độc lập, bảo vệ chủ quyền và hội nhập với thế giới một cách tự tin, có trách nhiệm.

Trong bối cảnh thế giới đang chứng kiến những diễn biến phức tạp và khó lường - từ cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, xung đột khu vực kéo dài, đến những thay đổi trong trật tự quốc tế, Việt Nam cần nhất quán kiên định theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, dựa trên nguyên tắc lẽ phải và chính nghĩa quốc tế. Trên nền tảng đó, Việt

Nam đã luôn kiên trì giải quyết các vấn đề quốc tế bằng biện pháp hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Hiến chương Liên hợp quốc và nguyên tắc không can thiệp, không sử dụng vũ lực. Tinh thần đó được thể hiện rõ nét qua chính sách quốc phòng “bốn không”: 1) Không tham gia liên minh quân sự; 2) Không liên kết với nước này để chống nước kia; 3) Không cho phép đặt căn cứ quân sự nước ngoài trên lãnh thổ; và 4) Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực¹⁶. Đây không chỉ là tuyên bố mang tính nguyên tắc, mà còn là kim chỉ nam để Việt Nam xử lý linh hoạt các mối quan hệ quốc tế đa dạng và phức tạp, đảm bảo giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà vẫn duy trì hợp tác rộng mở với mọi đối tác.

Thực tiễn đã cho thấy, trong các xung đột toàn cầu và khu vực, Việt Nam luôn nhất quán lập trường không đứng về bên nào, không can thiệp vào công việc nội bộ, đồng thời kêu gọi các bên liên quan kiềm chế, đối thoại và tôn trọng luật pháp quốc tế. Trên tinh thần đoàn kết và hòa bình, Việt Nam luôn lên án các hành vi gây tổn hại đến dân thường và thúc đẩy nỗ lực hòa bình thông qua các kênh đối thoại đa phương.

Có thể nói, chính sách nhất quán dựa trên lẽ phải và chính nghĩa quốc tế đã giúp Việt Nam giữ vững uy tín trên trường quốc tế, khẳng định hình ảnh một quốc gia trung thực, trách nhiệm, thể hiện vai trò xây dựng và thúc đẩy hòa bình. Trong thời đại thế giới phân cực, khó đoán định và dễ rơi vào đối đầu như hiện nay, việc Việt Nam duy trì nguyên tắc ứng xử mềm dẻo nhưng kiên định, kiên cường mà hòa hiếu, chính là biểu hiện sinh động của chính nghĩa dân tộc kết hợp với đạo lý của nhân loại. Điều này đã

được Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định: “Việt Nam theo đuổi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, là bạn bè tốt, là đối tác tin cậy với tất cả các nước trên thế giới, vì mục tiêu hòa bình, hợp tác và phát triển, là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹⁷; “đường lối đối ngoại của Việt Nam là không chọn bên, mà chọn công lý và lẽ phải”¹⁸.

Tóm lại, bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 là bản tuyên ngôn lập quốc vĩ đại của Nhân dân Việt Nam, chính thức chấm dứt ách đô hộ thực dân và chế độ phong kiến tồn tại suốt hàng nghìn năm, đồng thời khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà

nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Văn kiện lịch sử này không chỉ tuyên bố nền độc lập dân tộc, mà còn khẳng định một cách mạnh mẽ những chân lý phổ quát: Quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc - những lẽ phải thiêng liêng và chính đáng của con người và dân tộc. Bản *Tuyên ngôn độc lập* là sự kết tinh của ý chí kiên cường, khát vọng hòa bình và đạo lý nhân văn sâu sắc của dân tộc Việt Nam. Không chỉ mang giá trị lịch sử, pháp lý và đạo lý, bản *Tuyên ngôn độc lập* còn là bản anh hùng ca bất tử, sống mãi trong lòng Nhân dân Việt Nam và vang vọng cùng bước đi của thời đại ■

^{1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15} Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.1, 1, 1, 1, 2, 1, 2, 2, 3, 3, 543, 3.

⁶ Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.1, tr.11.

⁹ Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.5, tr.1.

¹⁶ Xem: Bộ Quốc phòng, *Quốc phòng Việt Nam 2019*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.25.

^{17, 18} Thủ tướng Phạm Minh Chính: *Việt Nam không chọn bên mà chọn công lý và lẽ phải*, <https://nhandan.vn>, ngày 5-11-2022.